TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC – TKV
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN SƠN ĐỘNG - TKV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 3608 /TM-NĐSĐ

Bắc Ninh, ngày 17 tháng 11 năm 2026

THƯ MỜI KHẢO SÁT BÁO GIÁ

Quan trắc môi trường định kỳ năm 2027

Kính gửi: Các nhà cung cấp có quan tâm

Công ty Nhiệt điện Sơn Động – TKV đang có nhu cầu thuê nhà cung cấp có năng lực thực hiện Thuê ngoài Quan trắc môi trường định kỳ năm 2027;

Công ty Nhiệt điện Sơn Động – TKV kính mời các nhà cung cấp (NCC) có quan tâm, tham gia khảo sát và báo giá dịch vụ Quan trắc môi trường định kỳ năm 2027 với nội dung như sau:

1. Giới thiệu gói cung cấp

1.1. Tên hạng mục công việc cần thực hiện: Quan trắc môi trường định kỳ năm 2027.

1.2. Nội dung thực hiện: Quan trắc môi trường định kỳ năm 2027, với nội dung như sau:

- Quan trắc môi trường định kỳ năm 2027.

+ Lần 1: Tháng 3/2027 tiến hành Quan trắc môi trường định kỳ Quý I theo Giấy phép môi trường;

+ Lần 2: Tháng 6/2027 tiến hành Quan trắc môi trường định kỳ Quý II theo Giấy phép môi trường, theo Giấy phép khai thác nước mặt;

+ Lần 3: Tháng 9/2027 tiến hành Quan trắc môi trường định kỳ Quý III theo Giấy phép môi trường;

+ Lần 4: Tháng 12/2027 tiến hành Quan trắc môi trường định kỳ Quý IV theo Giấy phép môi trường, theo Giấy phép khai thác nước mặt;

+ Lần 5: Dự kiến thực hiện Quan trắc khi thiết bị quan trắc khí thải, nước thải ngừng hoạt động do lỗi hệ thống quan trắc từ 48 tiếng trở lên (theo thông tư 10/2021/TT-BTNMT);

(Chi tiết khối lượng công việc như phụ lục đính kèm).

2. Các yêu cầu về năng lực của nhà cung cấp

Nhà cung cấp phải nộp kèm theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận hoạt động trong lĩnh vực cung cấp các dịch vụ liên quan hoặc cung cấp Hồ sơ năng lực để chứng minh năng lực cung cấp của mình. Hồ sơ bao gồm các nội dung chính:

2.1. Năng lực pháp lý:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp kèm theo các ngành nghề kinh doanh

2.2. Năng lực tài chính: Nộp báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc kèm một trong các tài liệu: Biên bản kiểm tra quyết toán thuế, Văn bản xác nhận

của cơ quan có thẩm quyền về việc hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế nhà nước; Bản xác nhận đã kê khai thuế điện tử và chứng từ thanh toán thuế.

2.3. Năng lực kinh nghiệm:

- Năng lực tổ chức
- Năng lực nhân sự, máy móc
- Quy mô, mạng lưới khách hàng
- Các hợp đồng tương tự đã thực hiện

3. Các yêu cầu về thương mại

- Bản báo giá phải ghi rõ nội dung công việc, đơn vị tính, số lượng, đơn giá, tổng giá trị dịch vụ chưa có thuế và đã có thuế GTGT.
- Nhà cung cấp đề xuất thời gian, tiến độ thực hiện, hiệu lực báo giá và các điều kiện thương mại khác.
- Giá báo giá phải được tính toán đầy đủ các chi phí liên quan bao gồm cả yếu tố trượt giá và chi phí khác.
- Nhà cung cấp chịu trách nhiệm cung cấp các thiết bị máy móc, vật tư chuyên dụng để thực hiện công việc theo phương án.

4. Hình thức báo giá:

Trước khi gửi bản chào giá, nhà cung cấp có thể tham gia khảo sát thực tế hoặc tham khảo đề nghị số 670/ĐN-KTAT ngày 09/09/2026.

- Bản báo giá phải do đại diện hợp pháp của NCC ký tên và đóng dấu. Trường hợp ký thay thì người ký phải được ủy quyền của đại diện hợp pháp của NCC kèm theo giấy ủy quyền, quyết định giao việc hoặc văn bản tương đương.
- Bản báo giá và các tài liệu kèm theo vui lòng nộp trực tiếp về địa chỉ:

+ Công ty Nhiệt điện Sơn Động - TKV, Thanh Sơn, Tây Yên Tử, Bắc Ninh;

+ Hoặc Nhà cung cấp có thể gửi báo giá và tài liệu về địa chỉ Email: sondongvpct@gmail.com *(Đối với các đơn vị gửi báo giá qua email vẫn phải hoàn thiện báo giá gốc gửi cho bên mời chào giá qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp theo địa chỉ nêu trên)*

Mọi thông tin trao đổi vui lòng liên hệ: Bà Trần Thị Ngọc – Nhân viên Phòng KHĐTVT; Số điện thoại: 0968695811.

- Thời gian nhận bản báo giá:

Không chậm hơn 09 giờ 00 phút, ngày 20 tháng 11 năm 2026 (trong giờ làm việc hành chính).

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của các Nhà cung cấp./.

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Giám đốc (b/c);
- Email: truyenthongtkv@vinacomin.vn (để đăng tải)
- Email: bachbx@vinacominpower.vn (để đăng tải)
- Lưu: VT, KHĐTVT

KT GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

M.S.C.N: 0104297033 - C.T.C.P - CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN SƠN ĐỘNG -TKV - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV CTCP - H. SƠN ĐỘNG - T. BẮC GIANG

Lê Xuân Trường

PHỤ LỤC: CHI TIẾT CÔNG VIỆC QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG ĐỊNH KỲ 2027

1. Lần 1: Tháng 3 - Theo Giấy phép môi trường (Quý I)

Stt	Đối tượng lấy mẫu, quan trắc	Số lượng/đợt	Vị trí lấy mẫu	Đối chiếu
1	Chất lượng khí thải công nghiệp bao gồm các thông số: *Nhiệt độ, lưu lượng, Bụi tổng, CO, SO_2, NO_x, ô xy, áp suất*	02	Ống khói thải chung - Điểm 1	QCVN 19:2009/BTNMT; QCVN 22:2009/BTNMT
			Ống khói thải chung - Điểm 2	
2	Tiếng ồn, độ rung	02	Tại vị trí Tuabin- máy phát tổ máy số 1	QĐ 3733/2002/BYT
			Tại vị trí Tuabin- máy phát tổ máy số 2	
3	Nước thải công nghiệp bao gồm các thông số: *Nhiệt độ, pH, Màu, BOD_5, COD, Chất rắn lơ lửng (TSS), Asen (As), Thủy ngân (Hg), Chì (Pb), Cadimi (Cd), Crom VI, Crom III, Đồng, Kẽm, Niken, Mangan, Sắt, Tổng xianua, Tổng phenol, Tổng dầu, mỡ khoáng, Sunfua, Florua, Amoni, Tổng Nitơ, Tổng P, Clo dư, Tổng PCB, Coliform, lưu lượng.*	02	Bể chứa nước thải đầu vào trước xử lý	QCVN 40:2011/BTNMT
			Nước thải công nghiệp sau khi xử lý: Lấy tại điểm xả nước thải trước khi thải ra môi trường	
4	Nước thải sinh hoạt bao gồm các thông số: *pH, TDS, BOD_5, Chất rắn lơ lửng (TSS), Amoni, Nitrat, Sunfua, Phosphat, Dầu mỡ động, thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt, Coliform.*	01	Tại bể nước thải sinh hoạt sau xử lý	QCVN 14:2008/BTNMT
5	Môi trường đa dạng sinh học	02	Môi trường sinh vật trên cạn	
			Môi trường sinh vật dưới nước	

2. Lần 2: Tháng 6 - Theo Giấy phép môi trường, Giấy phép khai thác nước (Quý II)

Stt	Đối tượng lấy mẫu, quan trắc	Số lượng/ đợt	Vị trí lấy mẫu	Đối chiếu
1	Chất lượng khí thải công nghiệp bao gồm các thông số: *Nhiệt độ, lưu lượng, Bụi tổng, CO, SO_2, NO_x, ô xy, áp suất.*	02	Ống khói thải chung - Điểm 1	QCVN 19:2009/BTNMT; QCVN 22:2009/BTNMT
			Ống khói thải chung - Điểm 2	
2	Tiếng ồn, độ rung	02	Tại vị trí Tuabin- máy phát tổ máy số 1	QĐ 3733/2002/BYT
			Tại vị trí Tuabin- máy phát tổ máy số 2	
3	Nước thải công nghiệp bao gồm các thông số: *Nhiệt độ, pH, Màu, BOD_5, COD, Chất rắn lơ lửng (TSS), Asen (As), Thủy ngân (Hg), Chì (Pb), Cadimi (Cd), Crom VI, Crom III, Đồng, Kẽm, Niken, Mangan, Sắt, Tổng xianua, Tổng phenol, Tổng dầu, mỡ khoáng, Sunfua, Florua, Amoni, Tổng Nitơ, Tổng P, Clo dư, Tổng PCB, Coliform, lưu lượng.*	02	Bể chứa nước thải đầu vào trước xử lý	QCVN 40:2011/BTNMT
			Nước thải công nghiệp sau khi xử lý: Lấy tại điểm xả nước thải trước khi thải ra môi trường	
4	Nước thải sinh hoạt bao gồm các thông số: *pH, TDS, BOD_5, Chất rắn lơ lửng (TSS), Amoni, Nitrat, Sunfua, Phosphat, Dầu mỡ động, thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt, Coliform.*	01	Tại bể nước thải sinh hoạt sau xử lý	QCVN 14:2008/BTNMT
5	Nước mặt bao gồm các thông số: *Nhiệt độ, pH, Ôxy hòa tan (DO), TSS, COD, BOD_5, Amoni, Nitrit, Nitrat, Sunphat, Chì, Kẽm, Sắt, Tổng dầu mỡ, Tổng Coliform, Tổng phốt pho, Tổng Nitơ, Chloride.*	02	Suối Đồng Rì	QCVN 08-MT:2015/BTNMT
			Suối Nước Vàng	
6	Mẫu nước tại bãi Khe Trai bao gồm các thông số: *pH, TSS, Amoni, BOD_5, As, Hg, Pb, Cd, Cr^{+6}, Cr^{+3}, Cu, Zn, Ni, Mn, Fe, tổng dầu mỡ khoáng, CN^-.*	01	Lấy tại điểm xả thải	QCVN 40:2011/BTNMT

3. Lần 3: Tháng 9 - Theo Giấy phép môi trường (Quý III)

Stt	Đối tượng lấy mẫu, quan trắc	Số lượng/ đợt	Vị trí lấy mẫu	Đối chiếu
1	Chất lượng khí thải công nghiệp bao gồm các thông số: *Nhiệt độ, lưu lượng, Bụi tổng, CO, SO_2, NO_x, ô xy, áp suất*	02	Ống khói thải chung - Điểm 1	QCVN 19:2009/BTNMT; QCVN 22:2009/BTNMT
			Ống khói thải chung - Điểm 2	
2	Tiếng ồn, độ rung	02	Tại vị trí Tuabin- máy phát tổ máy số 1	QĐ 3733/2002/BYT
			Tại vị trí Tuabin- máy phát tổ máy số 2	
3	Nước thải công nghiệp bao gồm các thông số: *Nhiệt độ, pH, Màu, BOD_5, COD, Chất rắn lơ lửng (TSS), Asen (As), Thủy ngân (Hg), Chì (Pb), Cadimi (Cd), Crom VI, Crom III, Đồng, Kẽm, Niken, Mangan, Sắt, Tổng xianua, Tổng phenol, Tổng dầu, mỡ khoáng, Sunfua, Florua, Amoni, Tổng Nitơ, Tổng P, Clo dư, Tổng PCB, Coliform, lưu lượng.*	02	Bể chứa nước thải đầu vào trước xử lý	QCVN 40:2011/BTNMT
			Nước thải công nghiệp sau khi xử lý: Lấy tại điểm xả nước thải trước khi thải ra môi trường	
4	Nước thải sinh hoạt bao gồm các thông số: *pH, TDS, BOD_5, Chất rắn lơ lửng (TSS), Amoni, Nitrat, Sunfua, Phosphat, Dầu mỡ động, thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt, Coliform.*	01	Tại bể nước thải sinh hoạt sau xử lý	QCVN 14:2008/BTNMT

4. Lần 4: Tháng 12 - Theo Giấy phép môi trường, Giấy phép khai thác nước (Quý IV)

Stt	Đối tượng lấy mẫu, quan trắc	Số lượng	Vị trí lấy mẫu	Đối chiếu
1	Chất lượng khí thải công nghiệp bao gồm các thông số: *Nhiệt độ, lưu lượng, Bụi tổng, CO, SO_2, NO_x, ô xy, áp suất.*	02	Ống khói thải chung - Điểm 1	QCVN 19:2009/BTNMT; QCVN 22:2009/BTNMT
			Ống khói thải chung - Điểm 2	
2	Tiếng ồn, độ rung	02	Tại vị trí Tuabin- máy phát tổ máy số 1	QĐ 3733/2002/BYT
			Tại vị trí Tuabin- máy phát tổ máy số 2	
4	Nước thải công nghiệp bao gồm các thông số: *Nhiệt độ, pH, Màu, BOD_5, COD, Chất rắn lơ lửng (TSS), Asen (As), Thủy ngân (Hg), Chì (Pb), Cadimi (Cd), Crom VI, Crom III, Đồng, Kẽm, Niken, Mangan, Sắt, Tổng xianua, Tổng phenol, Tổng dầu, mỡ khoáng, Sunfua, Florua, Amoni, Tổng Nitơ, Tổng P, Clo dư, Tổng PCB, Coliform, lưu lượng.*	02	Bể chứa nước thải đầu vào trước xử lý	QCVN 40:2011/BTNMT
			Nước thải công nghiệp sau khi xử lý: Lấy tại điểm xả nước thải trước khi thải ra môi trường	
5	Nước thải sinh hoạt bao gồm các thông số: *pH, TDS, BOD_5, Chất rắn lơ lửng (TSS), Amoni, Nitrat, Sunfua, Phosphat, Dầu mỡ động, thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt, Coliform.*	01	Tại bể nước thải sinh hoạt sau xử lý	QCVN 14:2008/BTNMT
6	Nước mặt bao gồm các thông số: *Nhiệt độ, pH, Ôxy hòa tan (DO), TSS, COD, BOD_5, Amoni, Nitrit, Nitrat, Sunphat, Chì, Kẽm, Sắt, Tổng dầu mỡ, Tổng Coliform, Tổng phốt pho, Tổng Nitơ, Chloride.*	02	Suối Đồng Rì	QCVN 08-MT:2015/BTNMT
			Suối Nước Vàng	
7	Mẫu nước tại bãi Khe Trai bao gồm các thông số: *pH, TSS, Amoni, BOD_5, As, Hg, Pb, Cd, Cr^{+6}, Cr^{+3}, Cu, Zn, Ni, Mn, Fe, tổng dầu mỡ khoáng, CN^-.*	01	Lấy tại điểm xả thải	QCVN 40:2011/BTNMT

5. Lần 5: Thực hiện quan trắc khi thiết bị quan trắc khí thải, nước thải ngừng hoạt động do lỗi hệ thống quan trắc từ 48 tiếng trở lên (theo TT 10/2021/TT-BTNMT)

Stt	Đối tượng lấy mẫu, quan trắc	Số lượng mẫu	Vị trí	Đối chiếu
I	**Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục.**			
1	pH	90	Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục	TT 10/2021/TT-BTNMT
2	Nhiệt độ	90		
3	Lưu lượng đầu vào	90		
4	Lưu lượng đầu ra	90		
5	Amoni	90		
6	COD	90		
7	TSS	90		
II	**Hệ thống quan trắc khí thải tự động, liên tục.**			
1	Đối với Thông số Bụi (**thực hiện quan trắc 01 lần/07 ngày)**	90	Hệ thống quan trắc khí thải (CEMS)	TT 10/2021/TT-BTNMT
2	Đối với các thông số khác (**thực hiện quan 01 lần/02 ngày)**			
2.1	Nhiệt độ	90		
2.2	Lưu lượng	90		
2.3	SO2	90		
2.4	NOx	90		
2.5	CO	90		
2.6	Áp suất	90		
2.7	Ô xy	90		